

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SỢI THỂ KỸ
CENTURY SYNTHETIC FIBER
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 330 -25/CV-CTTK

TP.HCM/Hochiminh city, ngày/date 29 tháng/month 08 năm/year 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**INFORMATION DISCLOSURE
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ
Organization name: Century Synthetic Fiber Corporation
- Mã chứng khoán/Ticker: STK
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, TP.HCM
Headquarter office: Lot B1-1, North West Cu Chi Industrial Zone, Tan An Hoi Commune, HCMC.
- Điện thoại/Tel.: (+84.276) 388 7565 Fax: (+84.276) 388 7566
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Spokesman: Dang Trieu Hoa – Title: Chairman of the BOD
- Loại thông tin công bố/Type of information disclosure:
☒ định kỳ/periodic ☐ bất thường/irregular ☐ 24h/24 hours ☐ theo yêu cầu/on demand

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

1. Giải trình chênh lệch lợi nhuận 1H2025 so với cùng kỳ/ *Explanation of profit differences 1H2025 year over year;*
2. Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét 2025/ *2025 Semi-annual Audited Consolidated Financial Statements;*
3. Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét 2025/ *2025 Semi-annual Audited Separate Financial Statements.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn: <https://thekey.vn>

This information was published on the Company's website on 29/08/2025 at the link: <https://thekey.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/Attachments

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT.
Documents related to the information disclosure.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ON BEHALF OF THE COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT/CHAIRMAN OF THE BOD**





Số: 329-25/CV-CTTK

TP. HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2025.

V/v: Giải trình biến động số liệu lợi
nhuận giữa 02 kỳ báo cáo.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở GDCK TP. HCM (HOSE).

Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ giải trình biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 sau Kiểm toán so với cùng kỳ năm 2024 sau Kiểm toán trên Báo cáo tài chính VAS do Công ty lập ngày 29/08/2025 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

+ Công ty Mẹ:

STT	Khoản mục	6 tháng đn 2025	6 tháng đn 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	711.490.413.708	568.989.967.044	142.500.446.664	25,0%
2	Lợi nhuận gộp	153.297.033.417	46.892.645.686	106.404.387.731	226,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	104.893.128.830	(14.083.184.579)	118.976.313.409	844,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	83.168.137.479	(14.943.614.066)	98.111.751.545	656,5%

+ Hợp nhất:

STT	Khoản mục	6 tháng đn 2025	6 tháng đn 2024	Tăng (+)/ Giảm (-)	
1	Doanh thu thuần	709.750.692.165	568.989.967.044	140.760.725.121	24,7%
2	Lợi nhuận gộp	143.017.193.561	46.892.645.686	96.124.547.875	205,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	50.472.570.714	(54.152.459.658)	104.625.030.372	193,2%
4	Lợi nhuận sau thuế	29.009.376.743	(55.012.889.145)	84.022.265.888	152,7%

Nguyên nhân:

Doanh thu thuần Công ty Mẹ và doanh thu Hợp nhất, tăng lần lượt 142,5 tỉ và 140,76 tỉ - tương ứng tăng 25% và 24,7% so với cùng kỳ chủ yếu là do tăng doanh số bán;

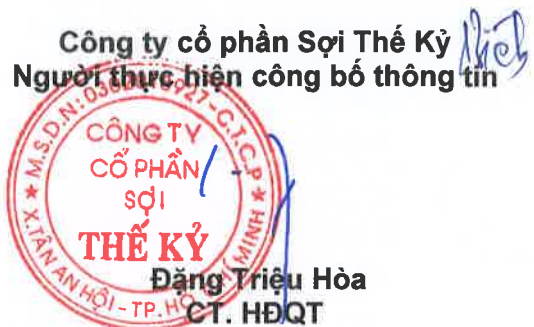
Lợi nhuận gộp Công ty Mẹ tăng 106,4 tỉ đồng và Hợp nhất tăng 96,1 tỉ đồng; tương ứng tăng 226,9% và 205% so với cùng kỳ do tỉ trọng giá vốn giảm hơn cùng kỳ và tăng thêm doanh số bán.

Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ tăng 118,97 tỉ; tương ứng tăng 844,8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế tăng 98,1 tỉ đồng; tương ứng tăng 656,5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế Hợp nhất tăng 104,6 tỉ; tương ứng tăng 193,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế tăng 84 tỉ đồng; tương ứng tăng 152,7% chủ yếu do lợi nhuận gộp tăng và tăng thu nhập tài chính, giảm chi phí bán hàng nhưng không nhiều.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE;
- Website Công ty;
- Lưu văn phòng.



Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Đường Bàu Cát, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên	
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên	
Ông Võ Quang Long	Thành viên	
Ông Chen Che Jen	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển	
	Chiến lược	
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Đặng Triệu Hòa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11659174/68606085/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.027.114.176.109	997.061.057.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.224.967.007	105.602.398.852
111	1. Tiền		5.224.967.007	5.402.398.852
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	100.200.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.027.129.088	105.312.984.991
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	73.411.020.752	92.738.753.955
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.031.551.237	7.104.476.750
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3.471.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		584.557.099	1.998.754.286
140	III. Hàng tồn kho	7	764.977.147.088	616.099.132.887
141	1. Hàng tồn kho		772.720.507.022	622.696.170.006
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.743.359.934)	(6.597.037.119)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		177.884.932.926	170.046.540.735
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	5.909.201.483	4.129.693.461
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	170.330.272.954	165.766.676.433
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.645.458.489	150.170.841
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.851.892.824.344	2.814.182.774.472
220	I. Tài sản cố định		514.009.344.072	560.684.345.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	514.009.344.072	560.684.345.537
222	Nguyên giá		2.103.161.115.998	2.103.161.115.998
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.589.151.771.926)	(1.542.476.770.461)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.385.298.205)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.195.332.144.383	2.111.112.394.294
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.195.332.144.383	2.111.112.394.294
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		13.800.000.000	13.800.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	13.800.000.000	13.800.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		128.751.335.889	128.586.034.641
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	125.876.157.888	125.692.890.034
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.875.178.001	2.893.144.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.879.007.000.453	3.811.243.831.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.142.636.242.342	2.103.888.828.129
310	I. Nợ ngắn hạn		1.334.573.083.900	1.311.165.536.034
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	242.102.951.611	377.654.321.523
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	11.844.855.945	22.222.333.339
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	27.155.478.218	6.894.246.528
314	4. Phải trả người lao động	16	16.400.673.129	20.388.912.097
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	13.728.604.983	10.426.136.962
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.120.825.225	7.623.105.278
320	7. Vay ngắn hạn	18	1.007.785.908.086	857.624.790.695
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	8.433.786.703	8.331.689.612
330	II. Nợ dài hạn		808.063.158.442	792.723.292.095
338	1. Vay dài hạn	18	807.807.820.438	792.463.828.758
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	255.338.004	259.463.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.736.370.758.111	1.707.355.003.808
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.736.370.758.111	1.707.355.003.808
411	1. Vốn cổ phần		966.369.240.000	966.369.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		966.369.240.000	966.369.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		64.483.675.412	64.477.297.852
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		704.298.831.699	675.289.454.956
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		675.289.454.956	662.887.111.298
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		29.009.376.743	12.402.343.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.879.007.000.453	3.811.243.831.937

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	709.750.692.165	568.991.767.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	(1.800.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	709.750.692.165	568.989.967.044
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(566.733.498.604)	(522.097.321.358)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		143.017.193.561	46.892.645.686
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	20.607.940.435	14.199.839.258
22	7. Chi phí tài chính	21	(78.802.243.515)	(75.343.860.545)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.615.583.987)	(8.582.927.267)
25	8. Chi phí bán hàng	22, 25	(4.802.986.735)	(7.619.714.446)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(26.905.827.403)	(27.631.772.926)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		53.114.076.343	(49.502.862.973)
31	11. Thu nhập khác		228.979.489	135.129.318
32	12. Chi phí khác	24	(2.870.485.118)	(4.784.726.003)
40	13. Lỗ khác		(2.641.505.629)	(4.649.596.685)
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		50.472.570.714	(54.152.459.658)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(21.445.227.365)	(519.194.305)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(17.966.606)	(341.235.182)
60	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN		29.009.376.743	(55.012.889.145)
61	18. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		29.009.376.743	(55.012.889.145)
70	19. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	28	300	(579)
71	20. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	28	300	(579)

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		50.472.570.714	(54.152.459.658)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8,9	46.675.001.465	46.072.799.922
03	Dự phòng		1.146.322.815	685.741.348
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.862.170.677	47.275.271.965
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(553.682.124)	(949.302.638)
06	Chi phí lãi vay	21	15.615.583.987	8.582.927.267
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		145.217.967.534	47.514.978.206
09	Giảm các khoản phải thu		19.633.898.496	257.976.899.718
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(150.024.337.016)	106.827.594.505
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(149.944.516.787)	11.491.212.641
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.962.775.876)	8.425.202.352
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.298.895.163)	(8.659.477.822)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.362.252.899)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(159.740.911.711)	423.576.409.600
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(83.833.508.589)	(1.078.487.482.435)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		3.471.000.000	54.050.637.373
27	Tiền thu lãi tiền gửi		701.459.902	1.449.532.929
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(79.661.048.687)	(1.022.987.312.133)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	66.044.414.980
33	Tiền thu từ đi vay	18	991.771.264.766	1.575.771.587.062
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(849.639.911.940)	(1.045.918.253.018)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		142.131.352.826	595.897.749.024
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(97.270.607.572)	(3.513.153.509)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		105.602.398.852	109.476.256.782
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(106.824.273)	27.931.761
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	8.224.967.007	105.991.035.034

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trắng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trắng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Đường Bàu Cát, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1027 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 998).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex ("Unitex") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Phường Trắng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|--|
| Nguyên vật liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí trả trước* (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cổ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053 và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong 43 năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	21.550.792	9.693.533
Tiền gửi ngân hàng	5.203.416.215	5.392.705.319
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	3.000.000.000	100.200.000.000
TỔNG CỘNG	8.224.967.007	105.602.398.852

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Coats Phong Phú	31.756.498.077	30.598.767.067
Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	14.745.215.024	83.665.034
Công ty TNHH Chori – Osaka	10.343.147.479	10.479.688.403
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Thịnh	688.925.279	11.850.307.007
Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	-	14.389.550.465
XKTC Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	-	2.185.095.310
Khác	15.877.234.893	23.151.680.669
TỔNG CỘNG	73.411.020.752	92.738.753.955

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH MTV Tăng Nghi Lực	-	4.509.321.854
Khác	2.031.551.237	2.595.154.896
TỔNG CỘNG	2.031.551.237	7.104.476.750

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	597.753.258.657	(1.704.570.998)	412.787.130.094	(2.032.632.169)
Nguyên vật liệu	146.746.709.064	(6.038.788.936)	186.405.176.481	(4.564.404.950)
Hàng mua đang đi trên đường	28.220.539.301	-	23.503.863.431	-
TỔNG CỘNG	772.720.507.022	(7.743.359.934)	622.696.170.006	(6.597.037.119)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	6.597.037.119	6.310.242.196
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.487.336.225	867.632.281
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong kỳ	(341.013.410)	(181.890.933)
Số cuối kỳ	7.743.359.934	6.995.983.544

Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỳ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	304.608.626.458	1.602.774.097.139	190.986.666.321	4.791.726.080	2.103.161.115.998
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	88.291.213.410	594.633.996.150	101.587.466.880	4.791.726.079	789.304.402.519
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	178.241.101.465	1.179.303.380.697	180.140.562.219	4.791.726.080	1.542.476.770.461
Khấu hao trong kỳ	4.523.422.003	36.771.808.022	5.379.771.440	-	46.675.001.465
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	182.764.523.468	1.216.075.188.719	185.520.333.659	4.791.726.080	1.589.151.771.926
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	126.367.524.993	423.470.716.442	10.846.104.102	-	560.684.345.537
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	121.844.102.990	386.698.908.420	5.466.332.662	-	514.009.344.072

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình trên đất tại trụ sở Công ty tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trắng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh đang được dùng làm khoăng thế chấp vay ngân hàng (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 14.385.298.205

Trong đó:

Đã hao mòn hết 14.385.298.205

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 14.385.298.205

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 -

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án nhà máy Unitex (*)	2.180.339.691.501	2.096.119.941.412
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	14.930.784.238	14.930.784.238
Khác	61.668.644	61.668.644
TỔNG CỘNG	2.195.332.144.383	2.111.112.394.294

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, dự án nhà máy Unitex thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 18).

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	(%)	(%)
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5 13.800.000.000	5 13.800.000.000

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam ("Dintsun") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	5.909.201.483	4.129.693.461
Chi phí mua bảo hiểm	2.273.587.403	1.907.513.717
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.170.114.060	1.827.326.100
Khác	1.465.500.020	394.853.644
Dài hạn	125.876.157.888	125.692.890.034
Tiền thuê đất trả trước (*)	108.692.666.310	110.463.566.238
Chi phí mua bảo hiểm	3.009.132.080	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.451.701.578	13.041.658.974
Khác	2.722.657.920	2.187.664.822
TỔNG CỘNG	131.785.359.371	129.822.583.495

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần tiền thuê đất trả trước của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, Khu công nghiệp Thành Thành Công, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex và thửa đất tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh thuộc sở hữu của Công ty được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 18).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Giza E&C., Jsc	71.664.829.725	60.132.019.964
Tainan Spinning Co., Ltd.	42.710.085.750	6.049.887.090
Hengli Chemical Sales (Suzhou) Co., Ltd.	35.543.733.750	-
Công ty TNHH Chori – Osaka	21.695.820.000	29.846.682.000
PT Indorama Polychem Indonesia	17.359.245.000	113.245.684.800
Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	16.216.146.896	16.216.146.896
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	8.015.544.000	109.740.846.000
Khác	28.897.546.490	42.423.054.773
TỔNG CỘNG	242.102.951.611	377.654.321.523

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lear Corporation – Kenansville	3.998.930.027	3.661.809.868
Công ty TNHH Công nghiệp De Licacy Việt Nam	68.520.871	12.048.401.928
Khác	7.777.405.047	6.512.121.543
TỔNG CỘNG	11.844.855.945	22.222.333.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.810.236.925	21.445.227.365	(6.680.793.688)	19.574.670.602
Thuế giá trị gia tăng	1.738.983.028	12.642.107.102	(6.994.400.599)	7.386.689.531
Thuế thu nhập cá nhân	345.026.575	320.554.391	(471.462.881)	194.118.085
TỔNG CỘNG	6.894.246.528	34.407.888.858	(14.146.657.168)	27.155.478.218
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	165.766.676.433	16.279.077.127	(11.715.480.606)	170.330.272.954
Thuế xuất nhập khẩu	150.170.841	3.783.099.707	(3.187.893.059)	745.377.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	681.459.211	-	681.459.211
Thuế thu nhập cá nhân	-	471.261.019	(352.293.230)	118.967.789
Khác	-	599.464.208	(499.810.208)	99.654.000
TỔNG CỘNG	165.916.847.274	21.814.361.272	(15.755.477.103)	171.975.731.443

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí tiện ích	8.680.804.575	8.006.818.215
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.840.716.806	1.852.441.266
Chi phí lãi vay	992.976.666	566.877.481
Khác	214.106.936	-
TỔNG CỘNG	13.728.604.983	10.426.136.962

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kinh phí công đoàn	3.673.302.884	3.327.930.639
Bảo hiểm xã hội	626.575.017	1.815.031.595
Cổ tức	327.500.530	327.500.530
Khác	2.493.446.794	2.152.642.514
TỔNG CỘNG	7.120.825.225	7.623.105.278

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng	Giảm	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngắn hạn	857.624.790.695	811.771.264.766	(849.639.911.940)	5.169.401.177	182.860.363.388	1.007.785.908.086
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	505.125.041.804	811.771.264.766	(671.898.100.550)	(2.632.380.518)	-	642.365.825.502
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	352.499.748.891	-	(177.741.811.390)	7.801.781.695	182.860.363.388	365.420.082.584
Dài hạn	792.463.828.758	180.000.000.000	-	18.204.355.068	(182.860.363.388)	807.807.820.438
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	792.463.828.758	180.000.000.000	-	18.204.355.068	(182.860.363.388)	807.807.820.438
TỔNG CỘNG	1.650.088.619.453	991.771.264.766	(849.639.911.940)	23.373.756.245	-	1.815.593.728.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các ngân hàng được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chịu lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và lãi suất dao động từ 3,9%/năm đến 6,7%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc
	VND	USD	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	192.485.805.138	7.434.755	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 26 tháng 11 năm 2025
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	146.590.373.021	-	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2025
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	108.358.151.758	4.185.328	Từ ngày 7 tháng 10 năm 2025 đến ngày 18 tháng 12 năm 2025
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	91.358.103.583	3.528.702	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025
Ngân hàng Worri Bank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.947.286.575	-	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2025 đến ngày 12 tháng 11 năm 2025
Ngân hàng Worri Bank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	36.998.436.927	1.429.063	Từ ngày 5 tháng 11 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	16.627.668.500	-	Từ ngày 7 tháng 9 năm 2025 đến ngày 18 tháng 11 năm 2025
TỔNG CỘNG	642.365.825.502	16.577.848	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng TNHH CTBC (*)	993.227.903.022	38.363.380	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền sử dụng đất
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	180.000.000.000	-	10 tháng 6 năm 2032	Bù đắp nguồn tài chính đã sử dụng để đầu tư hệ thống máy kéo sợi	Nhà máy và quyền sử dụng đất
TỔNG CỘNG	1.173.227.903.022	38.363.380			
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	365.420.082.584	13.959.833			
Vay dài hạn	807.807.820.438	24.403.547			

(*) Ngân hàng TNHH CTBC là ngân hàng đại lý cho khoản vay hợp vốn của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH CTBC của Unitex được sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	966.369.240.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	662.887.111.298	1.628.889.391.170
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	23.633.864.980	42.410.550.000	-	-	66.044.414.980
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(55.012.889.145)	(55.012.889.145)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	966.369.240.000	64.458.443.852	-	1.219.011.000	607.874.222.153	1.639.920.917.005
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	966.369.240.000	64.477.297.852	-	1.219.011.000	675.289.454.956	1.707.355.003.808
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	29.009.376.743	29.009.376.743
Khác	-	6.377.560	-	-	-	6.377.560
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	966.369.240.000	64.483.675.412	-	1.219.011.000	704.298.831.699	1.736.370.758.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn cổ phần đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	966.369.240.000	966.369.240.000

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

29. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu gộp	709.750.692.165	568.991.767.044
Trừ:		
Hàng bán bị trả lại	-	(1.800.000)
Doanh thu thuần	709.750.692.165	568.989.967.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.054.258.311	13.250.536.620
Lãi tiền gửi	553.682.124	949.302.638
TỔNG CỘNG	20.607.940.435	14.199.839.258

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.186.659.528	66.760.933.278
Lãi tiền vay	15.615.583.987	8.582.927.267
TỔNG CỘNG	78.802.243.515	75.343.860.545

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phí vận chuyển	2.598.049.408	4.175.298.796
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	1.421.696.673	1.690.577.400
Phí hoa hồng bán hàng	89.093.605	1.105.997.851
Chi phí khác	694.147.049	647.840.399
TỔNG CỘNG	4.802.986.735	7.619.714.446

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nhân viên	12.819.239.933	14.527.536.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.994.826.649	5.017.787.521
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	3.934.512.216	4.687.725.135
Chi phí khấu hao và hao mòn	695.473.607	751.699.065
Chi phí khác	3.461.774.998	2.647.024.622
TỔNG CỘNG	26.905.827.403	27.631.772.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí khấu hao khi dừng hoạt động	2.694.876.100	4.780.490.508
Chi phí khác	175.609.018	4.235.495
TỔNG CỘNG	2.870.485.118	4.784.726.003

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nguyên vật liệu	394.384.494.881	375.972.765.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.348.258.657	73.695.897.657
Chi phí nhân công	49.116.178.684	45.650.370.930
Chi phí khấu hao và hao mòn	43.980.125.366	46.072.799.922
Chi phí khác	13.613.255.154	15.956.974.866
TỔNG CỘNG	598.442.312.742	557.348.808.730

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Chủ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi kéo duỗi hoàn toàn (FDY) và Sợi xơ dài (DTY) được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
 - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi Polyester (POY) giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.633.337.219	136.396.750
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	811.890.146	382.797.555
Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	21.445.227.365	519.194.305
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.966.606	341.235.182
TỔNG CỘNG	21.463.193.971	860.429.487

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50.472.570.714	(54.152.459.658)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	10.094.514.143	(10.830.491.930)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	5.198.176.497	1.821.046.010
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trắng Bàng	(2.278.209.094)	(920.403.388)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	811.890.146	382.797.555
(Lỗ) lợi nhuận chưa thực hiện	7.071.441.557	(1.136.659.011)
Lỗ kết chuyển sang năm sau	565.380.722	11.544.140.251
Chi phí thuế TNDN	21.463.193.971	860.429.487

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí phải trả	1.218.317.452	1.587.585.218	(369.267.766)	(411.821.066)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	995.743.554	965.286.634	30.456.920	68.717.839
Chênh lệch tỷ giá	616.744.444	295.622.864	321.121.580	(2.880.993)
Trợ cấp thôi việc phải trả	44.372.551	44.649.891	(277.340)	4.749.038
TỔNG CỘNG	2.875.178.001	2.893.144.607		
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>			(17.966.606)	(341.235.182)

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	628.230.769	758.800.000
Bà Đặng Mỹ Linh	Phó chủ tịch HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	112.500.000	112.500.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	75.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	112.500.000	112.500.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Hà Kiệt Trần	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 3 năm 2023	30.000.000	30.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	124.783.910
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	784.809.642	785.339.441
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	493.720.133	458.626.223
TỔNG CỘNG		2.521.760.544	2.712.549.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	29.009.376.743	(55.012.889.145)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	96.636.924	94.968.551
Lãi (lỗ) trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	300	(579)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	300	(579)

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	487.770.010	1.227.965.559
Từ 1 đến 5 năm	2.157.219.525	2.103.976.448
Trên 5 năm	8.908.038.967	8.896.236.498
TỔNG CỘNG	11.553.028.502	12.228.178.505

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	42,287	38.844
Đồng tiền chung Châu Âu (EURO)	126	25
Đồng Yên Nhật (JPY)	585,428	418.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh bao gồm:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	360.000.000	310.000.000
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con	100.000.000	50.000.000
Phí soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Nhóm Công ty	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG	560.000.000	460.000.000

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm


Kế toán trưởng
Phan Như Bích


Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn